ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG MẦM NON RẠNG ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 70/BC-MNRĐ

Hiệp An, ngày 23 tháng 06 năm 2025

BÁO CÁO CÔNG KHAI

(*Theo thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của BGD&ĐT***)**

I. THÔNG TIN ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					
			TS	Ths	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	**25**	**0**	**0**	**11**	**3**	**1**	**8**
I	**Giáo viên**	**14**			**11**	**3**	**0**	
1	Nhà trẻ	2			2	0	0	
2	Mẫu giáo	12			9	3	0	
II	**Cán bộ quản lý**	**2**		**0**	**2**			
1	Hiệu trưởng	1			1			
2	Phó hiệu trưởng	1			1			
III	**Nhân viên**	**9**				**0**		
1	Nhân viên văn thư	1					1	
2	Nhân viên kế toán	1			1			
3	Nhân viên cấp dưỡng	4						4
4	NV phục vụ	0						0
5	Bảo vệ	2						2
6	Bảo mẫu	0						0

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

STT	Nội dung	Năm học 2024 – 2025
1	**Cán bộ quản lý**	
	Số lượng	2
	Tỷ lệ	100%
	Xếp loại	2 Tốt
2	**Giáo viên**	
	Số lượng	14
	Tỷ lệ	100%
	Xếp loại	10 Tốt + 4 Khá

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

STT	Nội dung	Năm học 2024 – 2025
1	**Cán bộ quản lý**	
	Số lượng	2
	Tỷ lệ	100%
2	**Giáo viên**	
	Số lượng	13
	Tỷ lệ	100%
3	**Nhân viên**	
	Số lượng	
	Tỷ lệ	

II. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Năm học 2024-2025	Yêu cầu theo quy định
1	Diện tích khu đất xây dựng	3.676.6 m^2	
	Điểm trường	01	
	Diện tích bình quân cho mỗi trẻ	19 m^2	
2	Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng		
2.1	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ		
	Phòng học (nuôi dạy, chăm sóc trẻ)	17	
	Phòng vệ sinh	7	
	Phòng ngủ	0	
	Phòng khác	0	
2.2	Khối phòng phục vụ học tập		
	Thư viện	01	
	Phòng thể chất	0	
	Phòng đa chức năng (nghệ thuật)	01	
	Phòng khác	0	

2.3	Khối phòng tổ chức ăn		
	Nhà bếp	01	
	Nhà kho	01	
	Phòng khác	0	
2.4	Khối phòng hành chính, quản trị		
	Phòng hiệu trưởng	01	
	Phòng phó hiệu trưởng	01	
	Văn phòng trường	01	
	Phòng họp	01	
	Phòng hành chính quản trị	0	
	Phòng bảo vệ	01	
	Phòng y tế	01	
	Phòng truyền thống		
	Phòng nhân viên	0	
	Phòng khác		
2.5	Khối công trình công cộng		
	Nhà xe giáo viên	01	
	Phòng khác	00	
3	Số lượng thiết bị đồ dùng, đồ chơi hiện có	7 bộ	
4	Số lượng đồ chơi ngoài trời	12	
5	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (máy tính)	7	
	Ti vi	14	
	Nhạc cụ	14	
	Máy photo	01	
	Catsset	0	
	Đầu video/ đầu đĩa	0	
	Máy vi tính văn phòng	0 5	

III. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá:

- Trường Mầm non Rạng Đông đã thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục theo quy định hằng năm.

- Tiếp tục triển khai thực hiện công tác Kiểm định chất lượng giáo dục - chuẩn quốc gia. Thành lập hội đồng tự đánh giá các tiêu chuẩn theo quy định. Có kế hoạch thực hiệc các biện pháp cải tiến khắc phục điểm yếu đã xác định. Năm 2024-2025 tự đánh giá đạt 05 tiêu chuẩn, tự đánh giá đạt ở Mức 2, chuẩn quốc gia Mức 1. Đăng ký đánh giá ngoài năm học 2024- 2025.

+ Mức 1: Số lượng tiêu chí đạt: 25/25 tiêu chí, đạt tỉ lệ: 100%

+ Mức 2: Số lượng tiêu chí đạt: 25/25 tiêu chí. Đạt tỉ lệ: 100%

+ Mức 3: Số lượng tiêu chí đạt: 1/25 tiêu chí. Đạt tỉ lệ: 4%

- Trong giai đoạn 5 năm qua, nhà trường đã triển khai kế hoạch cải tiến chất lượng với trọng tâm nâng cao hiệu quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và hoàn thiện điều kiện đảm bảo chất lượng theo các tiêu chí kiểm định. Hiện tại, Năm học 2024-2025 nhà trường đã thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục theo đúng quy trình: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên theo từng tiêu chí. Tiến hành thu thập minh chứng, phân tích, đối chiếu với các tiêu chuẩn quy định, đặc biệt là các tiêu chí về cơ sở vật chất, đội ngũ, tổ chức quản lý, hoạt động nuôi dưỡng – chăm sóc – giáo dục trẻ, kết quả giáo dục trẻ em. Hoàn thành báo cáo tự đánh giá với đầy đủ nội dung, nhận định chính xác các điểm mạnh, điểm tồn tại và đưa ra các biện pháp cải tiến phù hợp.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm và hàng năm

- Trường Mầm non Rạng Đông đã được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 vào tháng 10 năm 2020.

Kết quả tự đánh giá: Nhà trường đạt tỷ lệ cao ở hầu hết các tiêu chí. Một số tiêu chí còn cần tiếp tục cải thiện như: bổ sung trang thiết bị dạy học hiện đại, mở rộng không gian hoạt động cho trẻ, nâng cao hiệu quả công tác phối hợp với phụ huynh và cộng đồng. Nhà trường đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá và từng bước chuẩn bị các điều kiện để phục vụ đoàn đánh giá ngoài. Nhà trường đã được Phòng giáo dục kiểm tra đánh giá vào tháng 1/2024. Tuy nhiên, theo quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT và Thông tư 23/2023/TT-BGDĐT về tiêu chuẩn cơ sở vật chất, trường hiện còn thiếu 2 phòng học so với quy mô tối thiểu của trường mầm non 9 nhóm lớp. Do đó, nhà trường chưa đủ điều kiện để được thẩm định và đánh giá ngoài

IV. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MẦM NON

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở trong năm học:

a. Kế hoạch tuyển sinh:

- Chỉ tiêu và đối tượng tuyển sinh năm học 2024-2025: Tuyển sinh 7 lớp mầm non bán trú, gồm 215 trẻ

+ 1 lớp nhà trẻ : 25 trẻ (Trẻ sinh từ tháng 1/2023 đến 9/2023) Dự kiến nhận 25 trẻ mới

+ 1 lớp mầm: 25 trẻ (Trẻ sinh năm 2022) Dự kiến nhận 15 trẻ cũ và 10 trẻ mới

+ 2 lớp chồi: 60 trẻ (Trẻ sinh năm 2021) Dự kiến nhận 25 trẻ cũ và 35 trẻ mới

+ 3 lớp lá: 105 trẻ (Trẻ sinh năm 2020) Dự kiến nhận 60 trẻ cũ, 45 trẻ mới và nhận theo số lượng điều tra trẻ 5 tuổi (ưu tiên cho trẻ 5 tuổi sinh năm

2020 ra lớp)

- Thời gian tuyển sinh: Sáng 7h30 từ ngày 02/06/2025 đến chiều 16h30 ngày 10/06/2025

- Hồ sơ đăng kí: Đơn xin nhập học (Theo mẫu của trường); Giấy khai sinh hợp lệ; Sổ theo dõi sức khỏe của trẻ (file mềm hoặc bản photo); Giấy xác nhận mã định danh hoặc giấy xác nhận thông tin nơi cư trú (file mềm hoặc bản photo); Giấy tờ khác: Sổ hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo (Nếu có)…

- Hình thức đăng kí:

+ Đối với học sinh cũ đã học tại trường năm học 2024-2025: Thực hiện làm đơn đăng kí lại cho năm học 2025-2026

+ Đối với học sinh mới: Chưa học tại trường năm học 2024-2025 thực hiện đăng kí trực tuyến 100% theo địa chỉ https://tuyensinh.tptdm.edu.vn/

b. Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

- Mục tiêu: Đảm bảo an toàn, phát triển toàn diện thể chất và tinh thần cho trẻ theo đúng độ tuổi.

- Nội dung thực hiện:

+ Tổ chức các hoạt động giáo dục theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ GDĐT ban hành.

+ Xây dựng môi trường học tập thân thiện, lấy trẻ làm trung tâm.

+ Đảm bảo 100% trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và khám sức khỏe định kỳ.

+ Duy trì ăn bán trú, đảm bảo chế độ dinh dưỡng cân đối, phù hợp với độ tuổi.

+ Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ trong chăm sóc, giáo dục trẻ và phòng chống dịch bệnh

c. Quy chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội

- Mục tiêu: Tăng cường mối liên hệ giữa nhà trường – gia đình – xã hội nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

- Nội dung phối hợp:

+ Thường xuyên trao đổi thông tin giữa giáo viên và phụ huynh qua sổ bé ngoan, Zalo lớp, họp cha mẹ trẻ.

+ Phối hợp tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tham quan, hội thi, lễ hội tại trường có sự tham gia của cha mẹ và cộng đồng.

+ Vận động các nguồn lực xã hội hỗ trợ cơ sở vật chất, học liệu, quà tặng cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

+ Phối hợp tuyên truyền, giáo dục kỹ năng sống, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh qua các kênh truyền thông và hệ thống bảng tin.

d. Kế hoạch xây dựng thực đơn hằng ngày của trẻ em

- Mục tiêu: Đảm bảo trẻ được ăn đầy đủ chất dinh dưỡng, hợp vệ sinh, phù hợp với lứa tuổi, góp phần nâng cao sức khỏe và phát triển thể chất.

- Nội dung thực hiện:

+ Thực đơn được xây dựng theo tuần, theo mùa, đảm bảo cân đối 4 nhóm chất: chất bột, chất đạm, chất béo, vitamin và khoáng chất.

+ Có ít nhất 3 bữa ăn/ngày: ăn sáng, ăn trưa, ăn xế; trẻ mẫu giáo có thêm bữa phụ nếu cần.

+ Thực phẩm được lựa chọn từ nguồn cung cấp uy tín, rõ nguồn gốc, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

+ Căn cứ vào nhu cầu năng lượng theo độ tuổi, định lượng khẩu phần được tính toán kỹ lưỡng theo hướng dẫn của Bộ Y tế, Viện Dinh dưỡng.

+ Thực đơn được niêm yết công khai hàng tuần tại bảng thông báo và gửi đến phụ huynh qua nhóm lớp để phối hợp theo dõi, góp ý.

e. Các dịch vụ giáo dục mầm non theo quy định (nếu có)

Các dịch vụ hiện có tại trường (nếu áp dụng):

- Tổ chức ăn bán trú: cung cấp bữa ăn trưa và xế cho trẻ; thực hiện theo nguyên tắc đảm bảo dinh dưỡng và an toàn thực phẩm.

- Phục vụ ăn sáng: thực hiện theo trưng cầu ý kiến số đông của cha mẹ, đảm bảo đầy đủ năng lượng cho trẻ bắt đầu ngày mới.

- Dịch vụ chăm sóc ngoài giờ (nếu có): hỗ trợ cha mẹ đón trẻ trễ trong thời gian phù hợp, có sự thỏa thuận cụ thể.

- Các hoạt động năng khiếu, trải nghiệm: tổ chức theo nhu cầu và thỏa thuận tự nguyện của cha mẹ (như vẽ, làm quen tiếng Anh, thể dục nhịp điệu,...).

Mọi khoản thu liên quan đến dịch vụ đều được thống nhất với cha mẹ trẻ, niêm yết công khai, sử dụng đúng mục đích và được báo cáo theo quy định.

2. Kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước

STT	Nội dung	Năm học 2024-2025
1	Tổng số lớp	7
2	Tổng số trẻ	186
3	Số trẻ bình quân/nhóm (lớp)	27

4	Số trẻ học 2 buổi/ ngày	186
5	Số trẻ được tổ chức ăn bán trú	186
6	Số trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ	186
7	Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi	87
8	Số trẻ khuyết tật	0

V. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

STT	Nội dung	Năm 2024
1	*Tình hình tài chính (các khoản chi phân theo):*	*3.848.966.570*
	- Chi tiền lương và thu nhập	3.118.850.607
	- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	656.206.573
	- Chi hỗ trợ người học	73.909.390
	- Chi khác	
2	*Các khoản thu và mức thu đối với người học (bao gồm học phí, lệ phí và tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học*	*801.810.000*
	Học phí 180.000đ/th/hs (hs lớp lá không thu)	240.480.000
	Phục vụ bán trú NQ01: 180.000đ/hs/th	306.180.000
	Phục vụ ăn sáng NQ01: 150.000đ/hs/th	255.150.000
3	Chính sách và kết quả thực hiện về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng	4.950.000
4	Số dư quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có)	0

Nơi nhận:
- Phòng GDĐT (để b/c);
- BGH trường;
- Công khai website;
- Lưu VT./.

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TP.THỦ DẦU MỘT - T.BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG MẦM NON RẠNG ĐÔNG

Nguyễn Thị Thanh Trúc